TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 29/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**

Các hội thẩm nhân dân:

1/.**Ông Nguyễn Thanh Tiền**

2/.Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quốc Đại** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa: **Ông Châu Hoa Đăng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Quốc T, tên gọi khác: T; Sinh năm 1995 tại GR, Bạc Liêu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khóm 2, phường LT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Con ông: Trần Thanh S, sinh năm 1966 và bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ, con; Chị ruột: 1 người sinh năm 1992; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2020 cho đến nay.

*** Người bị hại**: **Ông Nguyễn Văn Ch**, sinh năm 1975

Địa chỉ: khóm 2, phường LT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu

(Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: do giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ quen biết với nhau do cùng nơi cư trú, nên ông Nguyễn Văn Ch có hợp đồng miệng với bị cáo thuê bị cáo chở tôm sú do ông thu mua lại của người dân ở địa phương. Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 02/5/2018 ông Ch thu mua tôm sú của bà Trần Thị Ch, sinh năm 1968 ở ấp 3, xã LĐĐ A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu với số lượng: tôm sú 20 con/kg được 50kg; tôm sú loại 10 con /kg được 1,8kg. Sau khi mua tôm của bà Chắc xong, ông Ch để số tôm mua được vào thùng xốp rồi để lên xe mô tô biển số đăng ký 68S3 – 7774 của ông Ch giao lại bị cáo chở về nhà của ông Ch. Tuy nhiên, trên đường chở tôm về thì bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tôm và xe mô tô của ông Ch giao cho quản lý. Bị cáo T không chở tôm về nhà ông Ch mà điều khiển xe đi theo quốc lộ 1A về tỉnh Vĩnh Long bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. Trên đường đi bị cáo T đem số tôm bán lại cho một người phụ nữ không rõ nhân thân, lý lịch được số tiền 9.500.000 đồng. Sau đó bị cáo tiếp tục điều khiển xe mô tô đến xã ĐT, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long thuê nhà trọ ở. Đến khoảng 15 ngày sau thì bị cáo T không còn tiêu xài nên đã bán chiếc xe mô tô biển số đăng ký 68S3 – 7774 cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lý lịch được số tiền 650.000 đồng. Đến ngày 01/01/2020 bị cáo Trần Quốc T bị Công an huyện ĐH bắt theo quyết định truy nã.

Tại bản kết luật giá trị tài sản số 36/HĐ ngày 04/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện ĐH kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honlei, màu sơn xanh, số máy FMH 10213130, số khung CH3061A 612714, biển số đăng ký 68S3 – 7774 x4.000.000 đồng x 90% = 3.600.000 đồng; 1,8kg tôm sú loại 10con/kg x 420.000 đồng = 756.000 đồng; 50kg tôm sú loại 20con/kg x 260.000 đồng = 13.000.000 đồng; 01 thùng xốp nhựa không có nhãn hiệu, chiều dài 80cm, chiều cao 50cm, chiều ngang 50cm không có đủ cơ sở định giá. Các loại tài sản đã nêu trên tính đến ngày 02/5/2018 còn giá trị là 17.356.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 11/CT – VKS – KSĐT ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH truy tố bị cáo Trần Quốc T tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa có quan điểm không thay đổi so với bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, kiểm sát viên trình bày thêm do bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Kiểm sát viên phát biểu đề xuất đường lối giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Trần Quốc T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn Ch số tiền 17.356.000 đồng

- Về vật chứng vụ án: do các tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt bán cho những người không rõ nhân thân, lý lịch nên không tiến hành truy tìm được nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Xét tính hợp pháp đối với các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố: Cả bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hoạt động tố tụng và hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đã có đủ căn cứ để chứng minh được: Do lợi dụng mối quan hệ quen biết và sự tin tưởng của ông Ch nên khi được ông Ch giao cho bị cáo chở tôm về nhà thì bị cáo T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông Ch là 01 chiếc xe mô tô hiệu Honlei biển số đăng ký 68S3 – 7774; 50 kg tôm sú loại 20 con/kg và 1,8kg tôm sú loại 10 con/kg. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt của ông Ch là 17.356.000 đồng. Trong lúc thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành niên và có trình độ học vấn nhất định đủ khả năng nhận thức được chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Tại phiên Tòa hôm nay bị cáo cũng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Do đó cáo trạng số 11/CT – VKS – KSĐT ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH truy tố bị cáo Trần Quốc T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật được nhà nước và pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của ông Ch khi giao tài sản cho bị cáo nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại bán lấy tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố đối với bị cáo. Chính vì vậy, việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là cần thiết và đúng với quy định pháp luật.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên Tòa hôm nay, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên trong lúc quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét.

Sau khi xem xét, phân tích đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải

cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo, giáo dục cho bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội.

[5] Trách nhiệm dân sự: bị hại ông Nguyễn Văn Ch yêu cầu bị cáo T bồi thường cho ông số tiền 17.356.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền nêu trên cho ông Ch nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về vật chứng vụ án: do các tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt bán cho những người không rõ nhân thân, lý lịch nên không tiến hành truy tìm được nên không đề cập xử lý.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Trần Quốc T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/.Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/01/2020.

2/.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Trần Quốc T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn Ch số tiền 17.356.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/. Về vật chứng vụ án: Không đề cập xử lý

4/.Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Quốc T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bị cáo Trần Quốc T phải nộp là 867.800 đồng. Hai khoản án phí trên bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo, người bị hại, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH;
- CQ Điều tra huyện ĐH;
- Chi Cục THA.DS huyện ĐH;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu.

Trương Hồng Diễm